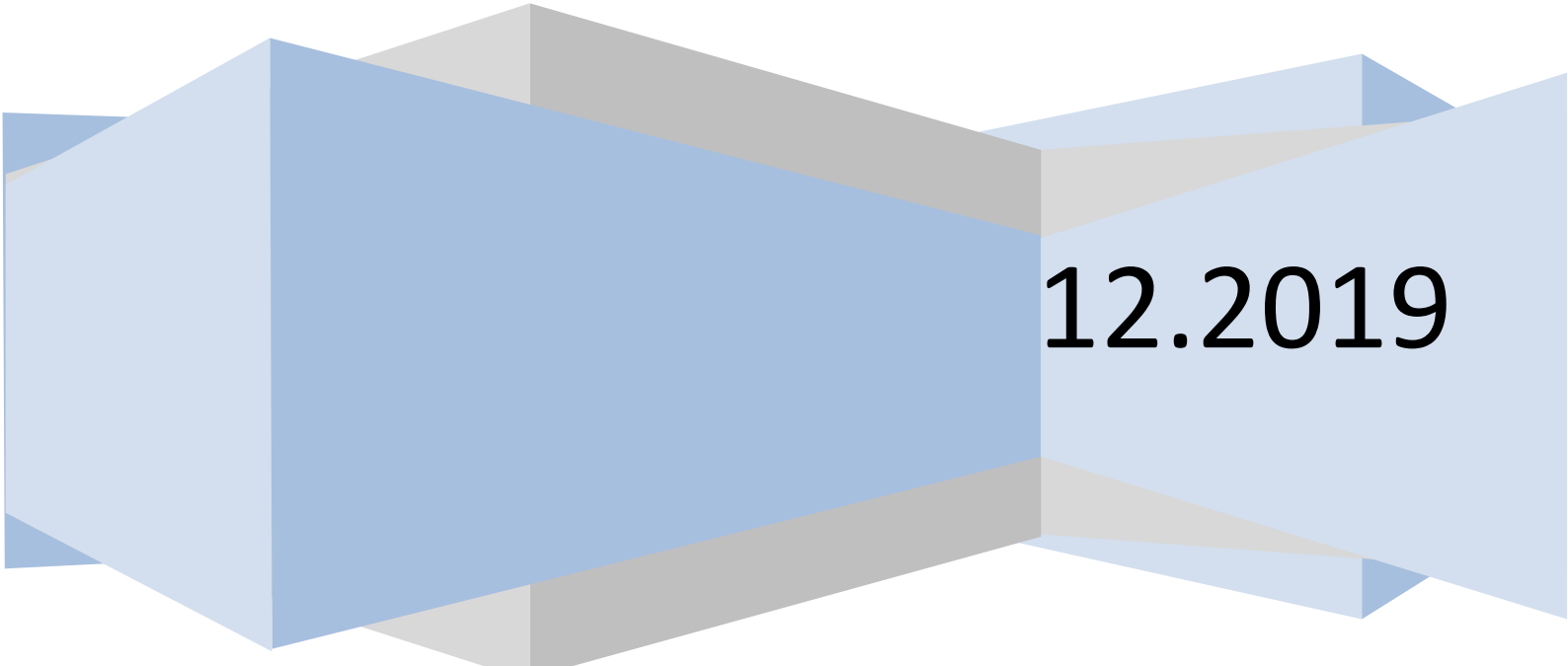


Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

Người liên hệ: **Trương Minh Huệ**
Tel: **04.35742022/ ext 203**
Email: **huetm@vcci.com.vn**



12.2019

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	1
1. Các thông tin cơ bản	1
2. Lịch sử	2
3. Đường lối đối ngoại	3
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ.....	4
1. Tổng quan	4
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:	4
3. Các chỉ số kinh tế.....	5
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	6
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM	6
1. Hợp tác thương mại	6
2. Hợp tác đầu tư.....	8
3. Triển vọng quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ.....	9
V. HỢP TÁC VỚI VCCI	9
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	9
2. Hoạt động đã triển khai trong năm 2012	Error! Bookmark not defined.
3. Các vấn đề khó khăn thuận lợi.....	9
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	Error! Bookmark not defined.
VII. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	Error! Bookmark not defined.
VIII. PHỤ LỤC THAM KHẢO.....	Error! Bookmark not defined.
IX. NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO	Error! Bookmark not defined.



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (United States of America)
Thủ đô	Washington D.C
Quốc khánh	4/7 (giành độc lập từ Vương quốc Anh năm 1776)
Diện tích	9.833.517 km ²
Dân số	329.256.465 (dự kiến 7/2018), trong đó da đen 12,6%, da trắng 72,4%, gốc châu Á 4,8%, thổ dân da đỏ và Alaska 0,9%, thổ dân Hawaii và các hòn đảo ở Thái Bình Dương thuộc Hoa Kỳ 0,2%, các nhóm khác 6,2%.
Khu vực hành chính	50 tiểu bang và đặc khu Colombia (tức thủ đô Washington)
Các thành phố lớn	Washington D.C; New York; Los Angeles; San Francisco; Chicago; Boston; Philadelphia; Houston; Seattle; Miami
Khí hậu	Hầu hết khí hậu ôn hòa nhưng ở Hawaii và Florida thì khí hậu nhiệt đới và giá rét ở Alaska
Ngôn ngữ	tiếng Anh 78.2%, Tây Ban Nha 13.4 %, Trung Quốc 1.1%, ngôn ngữ khác 7.3% (2017)
Tôn giáo	Công giáo 20.8%, Tin lành 46.5%, đạo khác 31.1%, đạo phật 0,7%, hồi giáo 0,9%
Đơn vị tiền tệ	Đôla Mỹ (1 USD = 23.250 VNĐ, 2/2019)
Múi giờ	GMT – 5 (bờ Đông); GMT – 8 (bờ Tây)
Thể chế	Cộng hoà Liên bang



Tổng thống	Donald J. TRUMP (TTh thứ 45, nhậm chức ngày 20/1/2017). Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, đứng đầu Chính phủ và là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Tổng thống có quyền phủ quyết các điều luật do Quốc hội thông qua và để đảo ngược quyền phủ quyết của Tổng thống cần 2/3 số phiếu của cả 2 viện của Quốc hội. Nhiệm kỳ Tổng thống dài 4 năm. Kể từ 1951, mỗi Tổng thống chỉ được cầm quyền tối đa 2 nhiệm kỳ. Tổng thống có quyền bổ nhiệm và bãi miễn các Bộ trưởng nhưng phải được sự đồng ý của Thượng viện
Chính phủ	Hoa Kỳ là một nước Cộng hoà Liên bang. Nhà nước Hoa Kỳ được tổ chức theo cơ chế tam quyền phân lập: quyền lập pháp thuộc về Quốc hội, quyền hành pháp thuộc về Tổng thống và quyền tư pháp thuộc về Toà án tối cao. Ba cơ quan nhà nước liên bang của Hoa Kỳ hoạt động trên nguyên tắc 'kiểm soát và cân bằng' lẫn nhau.
Thế chế Nhà nước,	Các bang của Hoa Kỳ có Hiến pháp và pháp luật riêng, nhưng không trái với Hiến pháp Liên bang.
Đảng và đoàn thể	Quốc hội Hoa Kỳ bao gồm Thượng viện và Hạ viện. Thượng viện có 100 Thượng nghị sĩ, phân bổ đều cho 50 bang (mỗi bang 2 Thượng nghị sĩ), nhiệm kỳ 6 năm. Phó Tổng thống giữ chức danh Chủ tịch Thượng viện, và chỉ có quyền bỏ phiếu quyết định trong tình huống bất phân thắng bại (50/50). Hạ viện có 435 Hạ nghị sĩ, mỗi bang có ít nhất một Hạ nghị sĩ, số còn lại được phân bổ căn cứ số dân của từng bang. Các Hạ nghị sĩ có nhiệm kỳ 2 năm. Vào các năm chẵn, ngày Thứ Ba đầu tiên của tháng 11 sẽ tiến hành bầu cử Quốc hội, bầu lại toàn bộ Hạ viện và 1/3 Thượng viện. Kết quả bầu cử lưỡng viện Mỹ ngày 2/11/2010 như sau: Thượng viện: 51 Thượng nghị sĩ đảng Dân chủ, 47 Thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa và 02 thượng nghị sĩ độc lập. Hạ viện: đảng Dân chủ chiếm 192 ghế và đảng Cộng hòa chiếm 243 ghế.

2. Lịch sử

Năm 1492, Christopher Columbus phát hiện Châu Mỹ. Năm 1607, Anh bắt đầu đặt chân lên Châu Mỹ và lập hệ thống thuộc địa ở hầu hết lãnh thổ Bắc Mỹ. Các nước Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan chiếm các vùng còn lại. Năm 1775, cuộc đấu tranh giành độc lập nổ ra. Ngày 4/7/1776, các nhà cách mạng Mỹ công bố "Tuyên ngôn Độc lập", tách Mỹ khỏi đế quốc Anh, thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ gồm 13 bang.

Năm 1783, Anh ký Hiệp định Versailles thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ. Ngày 7/9/1787, Hiến pháp Liên bang đầu tiên của Mỹ được thông qua và đến 4/3/1789 có hiệu lực. George Washington được bầu là tổng thống đầu tiên của nước Mỹ. Sau khi giành được độc lập Mỹ liên tục mở rộng lãnh thổ về hướng tây, từ 13 bang ban đầu phát triển thành 50 bang như hiện nay.



Năm 1861-1865 xảy ra nội chiến Mỹ. Sau cuộc nội chiến Mỹ trở nên mạnh hơn do thống nhất được lực lượng giữa hai miền Nam và Bắc. Đến cuối thế kỷ 19, Mỹ trở thành một trong các cường quốc hàng đầu trên thế giới và sau Chiến tranh thế giới II Mỹ trở thành một siêu cường.

3. Đường lối đối ngoại

Kể từ khi thành lập nước Mỹ đến trước chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã thực hiện chiến lược "biệt lập" theo học thuyết Mon-rô (Tổng thống Mỹ giai đoạn 1817-1825) với nội dung "Châu Mỹ của người Châu Mỹ" để bành trướng ở Tây bán cầu trong lúc Mỹ chưa đủ lực để vươn xa hơn.

Sau chiến tranh thế giới thứ II, với thế và lực mới mạnh hơn trước nhiều, Mỹ thực hiện chiến lược "ngăn chặn", một chiến lược toàn cầu nhằm trở thành bá chủ thế giới. Để thực hiện ý đồ bá chủ, giới cầm quyền ở Mỹ thực hiện hai mục tiêu chiến lược: xoá bỏ trật tự thế giới cũ của các đế quốc Tây Âu, đưa toàn bộ thế giới TBCN vào một trật tự chính trị và kinh tế mới do Mỹ khống chế và làm suy yếu, ngăn chặn sự phát triển và lan rộng ảnh hưởng của Liên Xô (cũ) và của chủ nghĩa xã hội.

Sau khi Liên Xô và khối XHCN tan rã, Mỹ một lần nữa điều chỉnh lớn chiến lược đối ngoại, đưa ra chiến lược "dính líu và mở rộng", thực chất nhằm củng cố và tăng cường vị trí bá chủ toàn cầu trong tình hình mới. Nội dung chính của chiến lược "dính líu và mở rộng" là: Phục hồi và phát triển nền kinh tế Mỹ, giữ vững địa vị là nền kinh tế mạnh nhất thế giới; Duy trì ưu thế quân sự của Mỹ, tổ chức, cơ cấu lại và hiện đại hoá quân đội Mỹ nhằm đáp ứng tình hình mới; Phát huy ưu thế về chính trị và quân sự, thúc đẩy "kinh tế thị trường" và "dân chủ" phương Tây nhằm tiến tới thiết lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.

Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ đẩy mạnh quá trình điều chỉnh chiến lược cho thế kỷ 21, coi chống khủng bố là ưu tiên cao nhất. Chống khủng bố được sử dụng để tập hợp lực lượng nhằm thiết lập một trật tự thế giới mới do Mỹ lãnh đạo, dùng lý do chống khủng bố, Mỹ thực hiện biện pháp quân sự đánh phủ đầu Afghanistan và Iraq. Năm 2002, Chính quyền Bush đưa ra Chiến lược an ninh quốc gia với các nội dung chủ yếu: (1) Coi chủ nghĩa khủng bố quốc tế, những quốc gia thù địch bất kham, những nước ủng hộ và che giấu khủng bố, tìm kiếm và sử dụng vũ khí giết người hàng loạt là kẻ thù nguy hiểm nhất của Mỹ; nêu cao khả năng sử dụng vũ lực đơn phương, đưa ra học thuyết "đánh đòn phủ đầu" để hợp lý hoá việc sử dụng quân sự; (2) Tập hợp lực lượng toàn thế giới chống khủng bố, coi chống khủng bố là ưu tiên cao nhất trong chính sách đối ngoại của Mỹ và thành chuẩn mực trong quan hệ của Mỹ với các nước (phân chia 2 loại nước đi với Mỹ chống khủng bố hay đi với khủng bố quốc tế); (3) Trong quan hệ các nước lớn, Mỹ theo đuổi chính sách "cân bằng quyền lực", tìm kiếm quan hệ xây dựng với Trung quốc nhưng cảnh giác trước việc nước này tăng cường tiềm lực quân sự, xây dựng quan hệ chiến lược mới với Nga, tăng cường quan hệ với Ấn Độ, củng cố, mở rộng và cải tổ NATO, củng cố đồng minh truyền thống. Tuy nhiên, do bị sa lầy tại Iraq nên từ nhiệm kỳ II của Tổng thống Bush, Mỹ tiến điều chỉnh chiến lược theo hướng tranh thủ đồng minh, bạn bè, bớt đơn phương hơn, nhấn mạnh các thể chế đa phương trong quan hệ quốc tế.

Nhậm chức trong bối cảnh nước Mỹ gặp nhiều khó khăn về kinh tế-tài chính (cuộc khủng hoảng đang diễn ra tại Mỹ được cho là lớn nhất kể từ cuộc khủng hoảng 1929-1933) và không ít khó



khăn về đối ngoại, đặc biệt là hai cuộc chiến còn ‘đang dở’ là Iraq và Afghanistan, Tổng thống Obama tiếp tục phải điều chỉnh chính sách đối ngoại Mỹ theo hướng giảm đơn phương, tăng mặt hòa giải và hợp tác đa phương nhằm trước mắt là đưa Mỹ ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay, về lâu dài là duy trì vị trí lãnh đạo của Mỹ trên thế giới. Mỹ đã đưa ra phương châm "sức mạnh thông minh" trong đối ngoại, kết hợp tất cả các thành tố sức mạnh, từ quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, để đạt được mục đích.

Dưới thời của tổng thống thứ 45 Donald Trump, chính sách đối ngoại của Mỹ không theo hướng đa phương như thời tổng thống tiền nhiệm Obama mà đi theo chính sách thúc đẩy quan hệ song phương tập trung xoay chuyển với mục đích thúc đẩy lợi ích quốc gia cốt lõi của Mỹ,

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Hoa Kỳ có một nền kinh tế hỗn hợp tư bản chủ nghĩa được kích thích bởi tài nguyên thiên nhiên phong phú, một cơ sở hạ tầng phát triển tốt, và hiệu suất cao.

Theo đúng chủ trương chính sách của Tổng thống Donald Trump tập trung vào việc thúc đẩy lợi ích quốc gia cốt lõi của Hoa Kỳ, gia tăng bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp và người dân Hoa Kỳ, vào tháng 12 năm 2017, Quốc hội đã thông qua và Tổng thống Donald TRUMP đã ký Đạo luật cắt giảm thuế và việc làm, trong số các điều khoản khác nhau, giảm thuế suất thuế doanh nghiệp từ 35% xuống 21%; giảm thuế suất cá nhân cho những người có thu nhập cao nhất từ 39,6% xuống 37% và tỷ lệ thấp hơn cho những người có mức thu nhập thấp hơn; thay đổi nhiều khoản khấu trừ và tín dụng được sử dụng để tính thu nhập chịu thuế. Các loại thuế mới có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2018; Ủy ban hỗn hợp về thuế (JCT) thuộc Văn phòng Ngân sách Quốc hội ước tính rằng luật mới sẽ giảm doanh thu thuế và tăng thâm hụt liên bang khoảng 1,45 nghìn tỷ đô la trong giai đoạn 2018-2027. Số tiền này sẽ giảm nếu tăng trưởng kinh tế vượt quá ước tính của JCT. Tập trung vào mục tiêu thúc đẩy lợi ích cốt lõi quốc gia của Mỹ, tổng thống Donald Trump cũng đã hủy bỏ tham gia vào một số hiệp định mậu dịch trong đó có TPP.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Dịch vụ: Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ bao gồm ngân hàng, bất động sản, khách sạn và kế toán chiếm hơn 80% các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Một số loại dịch vụ khác là bán buôn và bán lẻ, giao thông vận tải, chăm sóc y tế, pháp luật, khoa học, dịch vụ quản lý, giáo dục, nghệ thuật, giải trí, tiêu khiển, khách sạn và dịch vụ chỗ ở, nhà hàng, quầy rượu và các dịch vụ khác về thực phẩm và đồ uống.

Ngành Dịch vụ tài chính của Hoa Kỳ phát triển đứng đầu thế giới. Trong đó phải kể đến sàn giao dịch chứng khoán NewYork được đặt tại thành phố NewYork là sàn giao dịch lớn nhất thế giới tính về giá trị giao dịch.

Công nghiệp: chiếm 19.1% các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Các ngành công nghiệp chính của Hoa Kỳ hiện nay bao gồm: dầu lửa, sắt thép, ô tô, hàng không, viễn thông, hóa chất, điện tử, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng, khai thác gỗ, khai khoáng. Các ngành chế tạo hàng không, điện tử, tin học, nguyên tử, vũ trụ, hóa chất là những ngành công nghiệp mũi nhọn của Hoa Kỳ.



Nông nghiệp : chiếm 0.9 % các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Mặc dù hiện nay, nông nghiệp chỉ chiếm một phần nhỏ trong GDP nhưng các trang trại vẫn duy trì được sức mạnh kinh tế và chính trị của mình.

Lương thực được sản xuất ra rất an toàn, có chất lượng cao, phong phú và giá cả phải chăng. Nền nông nghiệp Hoa Kỳ cũng đạt được sự dồi dào và đa dạng nhất trên thế giới. Các sản phẩm nông nghiệp chính của Hoa Kỳ gồm lúa mỳ, các loại ngũ cốc khác, ngô, hoa quả, bông, thịt bò, thịt lợn, gia cầm, sản phẩm sữa, lâm sản, cá.

3. Các chỉ số kinh tế

	2014	2015	2016	2017	2018	2019
GDP (ppp)	17,42 nghìn tỷ USD	18,77 nghìn tỷ USD	19,06 nghìn tỷ USD	19,52 nghìn tỷ USD	20,58 nghìn tỷ USD	21,41 nghìn tỷ USD
Tăng trưởng GDP	2,4%	2,6%	1,6%	2,4%	2,9%	2,4%
GDP theo đầu người	54.800 USD	56.300 USD	57.878 USD	60.000 USD	62.869 USD	64.674 USD
GDP theo ngành (2017)	Nông nghiệp: 0,9% - Công nghiệp: 19,1% - Dịch vụ: 80%					
Lực lượng lao động	156 triệu	156.4 triệu	158,6 triệu	160,4 triệu		
Tỷ lệ thất nghiệp	6,2%	5,2%	4,9%	4,4%	3,9%	3,5%
Tỷ lệ lạm phát	1,6%	0.2%	1,3%	2,1%	2,4%	1,8%
Kim ngạch xuất khẩu (USD)	1.610 tỷ	1.610 tỷ	1.456 tỷ	1.553 tỷ	1,664 tỷ	1,645 tỷ
Mặt hàng chính	nông sản (đậu nành, trái cây, ngô) 9,2%, vật tư công nghiệp (hóa chất hữu cơ) 26,8%, hàng hóa vốn (bóng bán dẫn, máy bay, phụ tùng xe cơ giới, máy tính, thiết bị viễn thông) 49,0%, hàng tiêu dùng (ô tô, thuốc) 15,0%					
Các bạn hàng chính (2017)	Canada 18,3%, Mexico 15,7%, Trung Quốc 8,4%, Nhật Bản 4,4% (2017)					
Kim ngạch nhập	2.334 tỷ	2.347 tỷ	2.206 tỷ	2.361 tỷ	2,542 tỷ	2,498 tỷ



khẩu (USD)						
Mặt hàng chính	sản phẩm nông nghiệp 4,9%, nguyên liệu công nghiệp 32,9%(dầu thô 8,2%), tư bản phẩm 30,4% (máy vi tính, thiết bị viễn thông, linh kiện ô tô, máy văn phòng), hàng tiêu dùng 31,8% (ô tô, quần áo, dược, đồ nội thất, đồ chơi)					
Các bạn hàng chính (2013)	Trung Quốc 21,6%, Mexico 13,4%, Canada 12,8%, Nhật Bản 5,8%, Đức 5% (2017)					

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 12/7/1995, trao đổi Đại sứ đầu tiên vào tháng 7/1997, mở Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco vào tháng 11/1997. Năm 2015, hai nước tổ chức nhiều hoạt động kỉ niệm 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Hoa Kỳ

Các chuyến thăm cấp cao gần đây

Quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng được tăng cường và phát triển trên nhiều mặt. Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao.

Về phía Việt Nam

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (7/2015), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (9/2015), Thường trực Ban Bí thư Đinh Thế Huynh (10/2016), Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh (4/2017), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (5/2017), Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (tháng 6/2018), Phó Chủ tịch Quốc hội Đỗ Bá Tỵ (7/2018).

Phía Hoa Kỳ cũng cử nhiều đoàn cấp cao thăm Việt Nam:

Bộ trưởng Quốc phòng Carter (6/2015), Tổng thống Obama (5/2016, chính thức dỡ bỏ cấm vận vũ khí sát thương đối với Việt Nam), Ngoại trưởng John Kerry (1/2017), Tổng thống Donald Trump (11/2017: tham dự Hội nghị cấp cao APEC), Bộ trưởng Quốc phòng James Mattis (03/2018), Ngoại trưởng Mike Pompeo (7/2018), Tổng thống Donald Trump (2.2019 tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều lần 2)

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

1. Hợp tác thương mại

Hoa Kỳ đã trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Kim ngạch thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ tăng trưởng liên tục ở mức 20% trong những năm gần đây, đạt trên 60 tỷ USD năm 2018, trong đó Việt Nam tiếp tục xuất siêu gần 35 tỷ USD; Hoa Kỳ tuy nhập siêu song tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Việt Nam tăng nhanh ở mức 77% (gấp 4 lần tốc độ tăng của Việt Nam), xuất siêu về dịch vụ. Tính đến hết quý II/2019, kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước đạt 34,6 tỷ USD tăng 26,28% so với cùng kỳ năm 2018 trong đó xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 27,5 tỷ USD, tăng 27,4% và nhập khẩu từ Hoa Kỳ đạt 7,1 tỷ USD tăng 17,1% so với



cùng kỳ năm 2018. Và Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua.

Việt Nam xuất sang Mỹ các mặt hàng thủy sản, dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện và nông sản; và nhập từ Mỹ các mặt hàng gồm máy vi tính, sản phẩm linh kiện điện tử, bông các loại, thức ăn gia súc, thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng. Dưới Chính quyền Trump, vấn đề thâm hụt thương mại được coi là ưu tiên cao. Việt Nam đang tích cực phối hợp với Mỹ để tăng nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ.

Trong nhiều năm qua, hàng dệt may vẫn là ngành hàng dẫn đầu về xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ. Ngoài ra, các mặt hàng như điện thoại các loại và linh kiện, gỗ và sản phẩm của gỗ, hàng thủy sản, giày dép các loại cũng là những mặt hàng chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ.

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong những năm vừa qua

Đơn vị: tỷ USD

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
VN XK	19,667	23,869	28,655	33,479	38,464	41,591	47,525	61,346
VN NK	4,827	5,231	6,284	7,795	8,708	9,348	12,753	14,365
Tổng XNK	24,494	29,100	34,939	41,275	47,172	50,939	60,287	75,711

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

Top 10 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Đơn vị: USD

STT	Mặt hàng xuất khẩu	2018	2019
1.	Hàng dệt, may	13.699.583.967	14.849.540.797

Nguồn: Tổng Cục Hải quan



**Top
10
mặt
hàng
nhập
khẩu
của
Việt
Nam
từ
Hoa
Kỳ**

*Đơn
vị:
USD*

2.	Giày dép các loại	5.823.371.892	6.646.837.964
3.	Gỗ và sản phẩm gỗ	3.897.258.597	5.333.372.608
4.	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.863.931.094	6.048.195.205
5.	Hàng thủy sản	1.626.817.667	1.472.556.494
6.	Điện thoại các loại và linh kiện	5.411.172.714	8.896.632.339
7.	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	3.405.643.361	5.057.418.745
8.	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	1.321.206.937	1.581.710.558
9.	Hạt điều	1.210.661.214	1.027.816.519
10	Phương tiện vận tải và phụ tùng	1.320.742.347	1.698.771.452

STT	Mặt hàng nhập khẩu	2018	2019
1.	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3.050.829.935	4.854.947.541
2.	Bông các loại	1.469.104.484	1.567.847.486
3.	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	681.530.602	628.365.883
4.	Đậu tương	546.646.272	304.723.496
5.	Chất dẻo nguyên liệu	448.481.528	826.479.691
6.	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	412.835.617	472.617.652
7.	Sản phẩm hóa chất	319.787.371	358.968.571
8.	Gỗ và sản phẩm gỗ	317.065.387	338.292.573
9.	Sữa và sản phẩm sữa	121.872.565	133.398.409

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

2. Hợp tác đầu tư

Tính đến ngày 20/4/2019, Hoa Kỳ đã đầu tư HƠN 9,15 tỷ USD vào Việt Nam với 932 dự án còn hiệu lực, xếp vị trí thứ 11 trong danh sách 131 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư FDI vào Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn của Hoa Kỳ như Intel, General Electric, Microsoft, AIG, Coca-



Cola, Chevron... đã có các khoản đầu tư lớn tại Việt Nam và hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua.

Hiện các nhà đầu tư Mỹ đã có mặt tại 42/63 địa phương của cả nước, nhưng chủ yếu tập trung tại các thành phố và địa phương lớn nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động như Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội, Hải Phòng.

Hoa Kỳ cũng là quốc gia đứng thứ 2 trong danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam năm 2019 với tổng giá trị 93,4 triệu USD chiếm 18,4% vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam năm 2019. Trong quý I/2020 có 13 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam thì Hoa Kỳ là nước dẫn đầu với 20,1 triệu USD, chiếm 40,8%.

Về cơ cấu ngành: đến nay, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã đầu tư vào 17/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó vốn đầu tư tập trung vào lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống với 17 dự án, tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 4,68 tỷ USD (chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về tổng số dự án với 323 dự án, tổng số vốn đăng ký đứng thứ hai đạt 2,24 tỷ USD (chiếm 20,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Còn lại là một số lĩnh vực khác.

Về hình thức đầu tư: số liệu thống kê cho thấy, khi đầu tư vào Việt Nam, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đa số lựa chọn hình thức 100% vốn nước ngoài.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

- Thành lập Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ
- MOU ký kết giữa VCCI, US. Chamber of Commerce, Amcham Hanoi và Amcham Hochiminh ngày 21/6/2007
- MOU ký kết giữa Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ (US Ex-Im Bank) và các Phòng Thương mại Quốc gia hoặc Liên đoàn doanh nghiệp Quốc gia
- MOU ký kết giữa VCCI và Phòng Thương mại Hoa Kỳ (U.S. Chamber of Commerce) về tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư thông qua TPP, ngày 16/2/2011
- Thỏa thuận hợp tác giữa VCCI và AmCham về việc thành lập Liên minh tạo thuận lợi Thương mại Việt Nam (VTFA), văn phòng đặt tại Tp Hồ Chí Minh và dự kiến văn phòng tại Hà Nội sẽ mở vào năm 2016.

2. Các vấn đề khó khăn thuận lợi

▪ Thuận lợi

- Hoa Kỳ là thị trường khổng lồ, đa dạng và có nhu cầu lớn đối với nhiều loại hàng hóa bởi đây là quốc gia đa chủng tộc, GDP trên đầu người cao, xếp thứ 10 trên thế giới (đạt 47.200 USD/người năm 2010) và đặc biệt người dân ở Hoa Kỳ có thói quen mua sắm, dịch vụ tài



chính phát triển. Năm 2010, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ đạt khoảng 2.329,6 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2009. Đây thực sự là thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới.

- Hàng hóa Việt Nam có nhiều cơ hội xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ hơn các thị trường Nhật Bản và Tây Âu bởi người tiêu dùng Mỹ không quá khó tính như nhiều quốc gia khác. Nhờ vậy, số lượng mỗi đơn hàng thường lớn.
- Một đóng góp không nhỏ của thị trường Hoa Kỳ vào khả năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam còn phải kể đến là cộng đồng người Việt tại đây. Theo kết quả “Nghiên cứu về cộng đồng người Mỹ” do chính phủ Mỹ thực hiện từ năm 2005 được công bố mới đây cho thấy có khoảng 1,5 triệu người Việt đang sống tại Hoa Kỳ, chiếm khoảng 10,5% tổng số người Mỹ gốc châu Á, là cộng đồng lớn thứ tư sau Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines. 1,5 triệu người Việt Nam tại Hoa Kỳ hàng ngày vẫn ăn các món ăn Việt Nam và vẫn cần những thực phẩm như ở Việt Nam vì vậy đây là một thị trường lớn và hấp dẫn cho các mặt hàng thực phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam. Thêm vào đó, cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ sẽ là chiếc cầu nối hiệu quả để doanh nghiệp Việt Nam đưa hàng sang Hoa Kỳ.
- Trong thời gian tới đây cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ có thể chưa có thay đổi lớn. Các nhóm hàng chủ yếu vẫn là dệt may, giày dép, đồ gỗ, thủy sản, dầu mỏ, cà phê, điều. Sau đó, với đầu tư đang tăng lên (đặc biệt là khu vực đầu tư nước ngoài), kim ngạch những mặt hàng mới như điện tử, điện gia dụng, gia công cơ khí, thực phẩm chế biến sẽ tiếp tục tăng lên, trong đó điện tử sẽ nhanh chóng trở thành những mặt hàng xuất khẩu chính sang Hoa Kỳ. Ngoài ra, Việt Nam sẽ trở thành nơi một số công ty Hoa Kỳ đặt gia công phần mềm.
- Chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc nay là một cơ hội rất tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam khi mà các doanh nghiệp Hoa Kỳ đang chuyển dần cơ sở hoạt động từ Trung Quốc sang các nước khác trong khu vực

■ **Khó khăn**

- Sự hấp dẫn của thị trường Hoa Kỳ cũng đồng nghĩa với cạnh tranh xuất khẩu vào thị trường này rất quyết liệt. Trở ngại lớn nhất của các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ chính là gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các mặt hàng Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc đã vượt Canada trở thành nước xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2010, Trung Quốc xuất khẩu vào Hoa Kỳ đạt 364,04 tỷ USD giá trị hàng hóa, chiếm xấp xỉ 19,17% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ. Đối với các mặt hàng mà doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang Hoa Kỳ như dệt may, giày dép, đồ gỗ, hàng điện tử, đồ chơi...thì Trung Quốc cũng đều chiếm thị phần rất lớn tại Hoa Kỳ.
- Cái khó nữa đối với các doanh nghiệp, theo các chuyên gia đánh giá kinh tế là do chúng ta là người đến sau. Việt Nam bị cấm vận buôn bán với Hoa Kỳ cho đến năm 1994 và mãi đến tháng 12/2001 khi Hiệp định thương mại song phương giữa hai nước có hiệu lực thì quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ mới thực sự được bình thường hóa và hàng



hóa Việt Nam khi đó mới được hưởng thuế nhập khẩu tối huệ quốc (mức thuế bình thường áp dụng với hầu hết các nước khác của Hoa Kỳ). Các doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu xuất khẩu sang Hoa Kỳ khi mà các đối thủ cạnh tranh đã có chỗ đứng vững chắc tại thị trường này. Do đó, không dễ để thuyết phục được các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ đang nhập từ các bạn hàng quen thuộc của họ ở các nước khác chuyển sang nhập khẩu hàng của Việt Nam. Nếu muốn họ mua hàng, buộc hàng của các doanh nghiệp chúng ta phải rẻ hơn hoặc tốt hơn hoặc độc đáo hơn hoặc phải có cái gì đó hấp dẫn hơn là các bạn hàng quen thuộc của họ.

- Ngoài ra, những rào cản trong pháp luật và các kỹ thuật đối với thương mại cũng là khó khăn không nhỏ với doanh nghiệp Việt Nam. Hoa Kỳ được biết đến là quốc gia có hệ thống luật pháp phức tạp và nhiều rào cản kỹ thuật đối với thương mại. Liên tiếp trong những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam thường gặp khó khăn về tiêu chuẩn lao động và môi trường khi xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ; các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ giá; hàng rào kỹ thuật và an toàn thực phẩm ... Thêm vào đó, xuất khẩu hàng sang Hoa Kỳ, các doanh nghiệp còn gặp phải khó khăn về chi phí và những đòi hỏi về tiêu chuẩn năng lực của một doanh nghiệp.
- Thị trường xa, chi phí vận tải và giao dịch cao dẫn đến các mặt hàng cồng kềnh trị giá thấp rất khó cạnh tranh. Thị trường đầy cạnh tranh và nhiều rào cản như vậy nhưng năng lực đáp ứng của các doanh nghiệp lại rất hạn chế. Quy mô các doanh nghiệp của Việt Nam còn nhỏ, phần đông còn dừng ở gia công thuần túy, các doanh nghiệp Mỹ thường đặt mua hàng hoặc đặt sản xuất theo thiết kế, mẫu mã và tiêu chuẩn kỹ thuật của họ.

